

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2021

**Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính
Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành**

Đồng kính gửi:

- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp
- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu Tư
- Bộ trưởng Bộ Công Thương
- Bộ trưởng Bộ Tài Chính
- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
- Bộ trưởng Bộ Xây dựng
- Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải
- Bộ trưởng Bộ Khoa học Công nghệ
- Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường Quốc hội
- Chủ tịch Hội đồng Tư vấn cải cách TTHC của Thủ tướng Chính phủ
- Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

(V/v: Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Thay mặt cộng đồng doanh nghiệp (DN), các Hiệp hội chúng tôi, đại diện cho nhiều ngành hàng chủ lực của Việt Nam, xin gửi tới Thủ tướng, Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng lời chào trân trọng và cảm ơn Thủ tướng, Phó Thủ tướng cùng các Bộ trưởng đã có những chỉ đạo sâu sát, quyết liệt để hỗ trợ cho cộng đồng doanh nghiệp vượt qua đại dịch và ngày càng có môi trường kinh doanh thuận lợi.

Các Hiệp hội chúng tôi đã, đang và sẽ luôn ủng hộ & cam kết việc tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường, phát triển bền vững để không chỉ hội nhập tốt hơn, môi trường sống tốt hơn mà còn là điều kiện sinh tồn cho các thế hệ tương lai. Vì vậy, chúng tôi đặc biệt quan tâm và đã có nhiều góp ý trực tiếp đến Bộ Tài nguyên và Môi trường về dự thảo *Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường* (sau đây gọi tắt là “**Dự thảo**”) trong suốt thời gian qua.

Dự thảo ngày 5/10/2021 là phiên bản chỉnh lý sửa đổi sau buổi họp thẩm định tại Bộ Tư pháp ngày 27/9/2021. Mặc dù Dự thảo lần này đã có nhiều sửa đổi so với Dự thảo trước đó, nhưng sau khi các DN và chuyên gia chúng tôi nghiên cứu kỹ thì thấy vẫn còn khá nhiều **nội dung lớn** không phù hợp với các Luật hiện hành và điều kiện thực tiễn Việt Nam. Những nội dung này không chỉ gây khó khăn cho doanh nghiệp, cho phát triển đất nước mà đặc biệt là phát sinh thủ tục hành chính và “*cản làm rõ cơ sở pháp lý*” ở một số nội dung đúng như báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp đã nêu. Với mong muốn có một Nghị định phù hợp và khả thi, các Hiệp hội xin có **1 góp ý chung** và **6 góp ý-đề xuất cụ thể** quan trọng sau đây đối với Dự thảo:

I. GÓP Ý CHUNG:

Qua buổi họp thẩm định tại Bộ Tư pháp ngày 27/9/2021, báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp ngày 6/10/2021, bản Dự thảo sửa đổi sau thẩm định (5/10) mà chúng tôi đã được xem – chúng tôi tha thiết đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các vấn đề nguyên tắc sau:

- Nghị định hướng dẫn chi tiết **không được** đưa ra những điều nằm ngoài quy định của Luật BVMT, không tạo mâu thuẫn với các văn bản pháp luật khác.
- Bộ Tư pháp cần **thẩm định lại** toàn bộ các nội dung còn chưa đúng, chưa phù hợp với các quy định pháp luật và thực tế, nêu trong Báo cáo thẩm định ngày 6/10/2021 đã được Dự thảo điều chỉnh hay chưa, hoặc có thêm điểm mới nào chưa phù hợp.
- Dự thảo cần **tuân thủ đúng ý kiến chỉ đạo** của Phó Thủ tướng Lê Văn Thành tại công văn số 6739/VPCP-NN ngày 22/9/2021 “*đảm bảo phù hợp với thực tiễn, đảm bảo công tác quản lý nhà nước về môi trường nhưng hạn chế tối đa tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất-kinh doanh*”, cũng như các Nghị quyết của Chính phủ để không làm tăng thêm quy định hành chính & thủ tục hành chính đối với DN.

II. SÁU GÓP Ý - ĐỀ XUẤT CỤ THỂ VÀ QUAN TRỌNG:

1. Cần đơn giản, minh bạch hóa thủ tục cấp giấy phép môi trường (GPMT) và chuyển sang hậu kiểm thay vì chỉ tiền kiểm, do thủ tục cấp GPMT trong Dự thảo rất phức tạp, phát sinh nhiều thủ tục hành chính, không rõ ràng, rất dễ tạo cơ chế xin-cho ảnh hưởng đến môi trường đầu tư-kinh doanh tại Việt Nam mà không đạt được mục đích bảo vệ môi trường tốt hơn, và chỉ dựa vào tiền kiểm, nên không có nhiều hiệu quả quản lý (chi tiết xin xem Phụ lục I).

2. Cần sửa đổi hoặc bãi bỏ những quy định không phù hợp với thực tiễn Việt Nam, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường đầu tư-kinh doanh và hoạt động của DN, ví dụ như: (xin xem chi tiết tại Phụ lục II).

- Quy định về khoảng cách an toàn với khu dân cư áp dụng với cả doanh nghiệp đã hoạt động từ trước đây, nếu có dân đến ở gần thì doanh nghiệp phải di dời nhưng chi phí di dời do ai trả thì không đề cập - mâu thuẫn với Luật Đầu tư và không phù hợp với thực tiễn.

- Quy định phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động (Điều 100): Không rõ Dự thảo dựa vào căn cứ nào để đưa ra các mức phải quan trắc tự động. Dự thảo ngày 20/7, đưa ra mức nước thải 500m³/ngày đêm, dự thảo ngày 10/8 giảm xuống còn 200m³, dự thảo 5/10 đưa trở lại 500m³. Quy định hiện tại đang ở mức 1.000m³/ngày đêm. Trong khi đó quan trắc tự động rất tốn kém về chi phí đầu tư (tiền tỷ), chi phí vận hành, và Dự thảo cũng không phân biệt giữa các loại nước thải ít ảnh hưởng đến môi trường (như nước rửa cá) với nước thải ảnh hưởng nhiều đến môi trường (sơn mạ).

- Quy định “*bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy*” sẽ dẫn đến hàng loạt nhà máy sẽ phải đóng cửa từ 1/1/2026 vì không có bao bì để đóng gói, vật liệu để SX; và nhiều quy định bất hợp lý khác.

3. Bãi bỏ việc thành lập Văn phòng EPR và Hội đồng EPR do không có đề cập hay quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, không có cơ sở pháp lý; làm tăng biên chế bất hợp lý; quy chế hoạt động có nhiều điểm trái với các Luật hiện hành (xem Phụ lục III). Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp ngày 6/10/2021 cũng nêu rất rõ quan ngại về Văn phòng EPR và Hội đồng EPR do những điểm nêu trên.

4. Cần phải bổ sung khung pháp lý và khung pháp lý phải rõ ràng nhằm quản lý “đóng góp tài chính để tái chế bao bì, sản phẩm và xử lý chất thải”, do các quy định trong Dự thảo sử dụng khoản đóng góp này, chúng tôi thấy rằng không đúng mục đích và trái luật (xin xem Phụ lục IV).

5. Điều chỉnh tỷ lệ tái chế bắt buộc để tái chế sản phẩm, bao bì, tỷ lệ đóng góp để xử lý chất thải cho phù hợp dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn Việt Nam, không để mức quy định thiếu phù hợp, chưa rõ cơ sở khoa học, thiếu công bằng, phí chồng phí, gây khó khăn cho DN, tăng giá thành sản phẩm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân.

Đề nghị bỏ yêu cầu nhà sản xuất, nhập khẩu phải thu gom và tái chế đạt một tỉ lệ nhất định hay đóng góp tái chế cho sản phẩm/bao bì tự phân hủy sinh học (bởi chúng không có hại với môi trường) hoặc sản phẩm/bao bì có giá trị thương mại khi hết thời gian sử dụng như thiết bị kim loại, ô tô, xe máy cũ (bởi không tự thu gom được do người sở hữu thường bán chứ không thải bỏ) (xin xem Phụ lục V).

6. Lùi lộ trình thực hiện đóng góp tái chế đến tháng 1/2025 để có thời gian xây dựng công nghiệp tái chế chuẩn bị sẵn sàng cho việc áp dụng được khả thi, đồng thời giúp các doanh nghiệp có thời gian phục hồi sau đại dịch Covid-19 (xem Phụ lục VI).

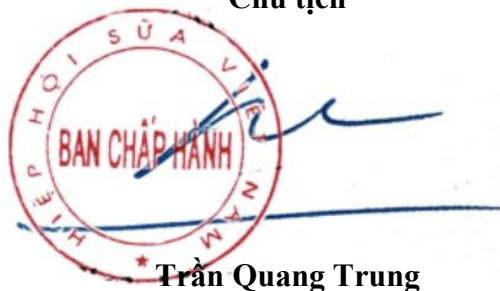
Các Hiệp hội mong nhận được sự quan tâm xem xét và chỉ đạo kịp thời của Thủ tướng, Phó Thủ tướng và các Bộ trưởng về các góp ý hết sức chân thành và xây dựng trên, để Việt Nam có được một Nghị định có tính khả thi cao, hội nhập với các cam kết quốc tế, hài hòa lợi ích giúp bảo vệ môi trường và tạo thuận lợi cho sản xuất-kinh doanh.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

HIỆP HỘI THỰC PHẨM
MINH BẠCH
TM.BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH


Nguyễn Thị Hồng Minh

HIỆP HỘI SỮA VIỆT NAM
Chủ tịch


Trần Quang Trung

HỘI LƯƠNG THỰC
THỰC PHẨM TP. HCM
Chủ tịch


Lý Kim Chi

HIỆP HỘI GỖ VÀ LÂM SẢN
VIỆT NAM
Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký


Ngô Sỹ Hoài

HIỆP HỘI CHẾ BIẾN VÀ XUẤT
KHẨU THỦY SẢN VIỆT NAM
Tổng Thư ký


Trương Đình Hòa

HỘI DOANH NGHIỆP HÀNG
VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
Chủ tịch


Vũ Kim Hạnh

HIỆP HỘI DỆT MAY VIỆT NAM
Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký


Trương Văn Cẩm

HIỆP HỘI BIA - RƯỢU - NƯỚC
GIẢI KHÁT VIỆT NAM
Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký


Chu Thị Vân Anh

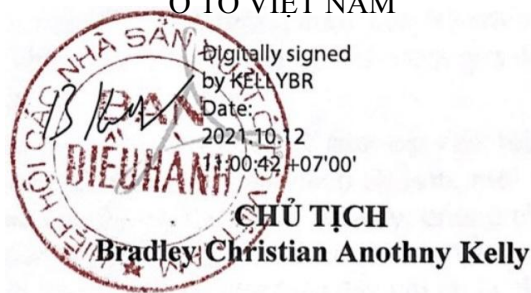
HIỆP HỘI CHÈ VIỆT NAM
Phó Tổng Thư ký


Hoàng Vĩnh Long

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu các Hiệp hội.

HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT
Ô TÔ VIỆT NAM



HIỆP HỘI CÁC NHÀ SẢN XUẤT
XE MÁY VIỆT NAM



PHỤ LỤC I
THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG PHỨC TẠP, KHÔNG RÕ RÀNG,
PHÁT SINH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, GÂY KHÓ CHO DOANH NGHIỆP

(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Tóm tắt các bất cập chính:

- 1- Việc tích hợp 7 giấy phép thành 1 giấy phép nhìn qua tưởng là cải cách, thực ra chỉ là 7 nội dung gộp vào 1 tờ giấy phép, song lại là nguy cơ lớn gây tăng thủ tục hành chính, khi chỉ một nội dung trong 7 nội dung thay đổi thì doanh nghiệp lại phải đi xin cấp lại GPMT, với các thủ tục nhiều khê.
- 2- Hồ sơ cấp GPMT trùng lặp nhiều với hồ sơ ĐTM và không rõ ràng.
- 3- Quy trình cấp GPMT không rõ ràng, không quy định thời gian, dễ nảy sinh cơ chế xin-cho, không phải 1 mà có thể tới 2 lần thẩm định và 2 lần kiểm tra thực địa, chỉ thiên về tiền kiểm.
- 4- Quy định cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại GPMT không rõ ràng.
- 5- Bất cập khi thủ tục cấp lại cũng như cấp mới.
- 6- Bất cập khi dự án đang hoạt động cũng phải đi xin cấp GPMT như dự án mới.
- 7- Bất cập khi cấp GPMT trước khi vận hành thử nghiệm khiến nhiều DN phải xin điều chỉnh GPMT sau khi vận hành gây mất thời gian và chi phí.

Các quy định này không phù hợp với Nghị quyết **68/2020/NQ-CP** ngày 12/5/2020 của Chính phủ chỉ đạo: “1. Mục tiêu: a. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến năm 2025, cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định....b) Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành văn bản có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh... ngăn chặn việc phát sinh những quy định không cần thiết, không hợp lý, không hợp pháp và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, người dân.”

Việc kiểm tra thực địa 2 lần trong quá trình cấp phép cũng không phù hợp với Nghị quyết 19/2018/NQ-CP của Chính phủ chỉ đạo “*chuyển đổi mạnh mẽ cách thức quản lý nhà nước từ chủ yếu tiền kiểm sang chủ yếu hậu kiểm*”.

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo ký ngày 6/10/2021:

- “Dự thảo quy định nhiều thủ tục hành chính...cần quy định theo hướng đơn giản hóa về hồ sơ, điều kiện, minh bạch, rút gọn về quy trình thực hiện”.
- “một số thủ tục hành chính phát sinh cả thủ tục kiểm tra là không cần thiết, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức”.
- “thủ tục cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại GPMT được thực hiện theo như quy trình thủ tục cấp giấy phép lần đầu là chưa đảm bảo tính hợp lý”.

Cụ thể:

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Điều 28 Nội dung của Báo cáo đề xuất cấp GPMT	3. Nội dung chính của báo cáo đề xuất cấp GPMT: gồm 8 hạng mục. 4. “Báo cáo đề xuất cấp GPMT đối với dự án nhóm III ...phải bảo đảm đơn giản hơn dự án đầu tư, cơ sở nhóm II và chỉ bao gồm một số nội dung chính quy định tại	Hồ sơ trùng lặp và không rõ ràng: Trong số 8 hạng mục trong hồ sơ thì đã có 5 hạng mục đã được doanh nghiệp cung cấp trong hồ sơ xin duyệt ĐTM. Không rõ “bảo đảm đơn giản hơn” là đơn giản thế nào, “bao gồm một số nội dung chính” là	- Tránh trùng lặp hồ sơ: những hồ sơ <u>đã nộp khi xin duyệt ĐTM thì không nộp lại khi xin duyệt GPMT.</u> - Quy định cụ thể đơn giản hóa thủ tục cho dự án nhóm III là đơn giản như thế nào, gồm các nội dung gì

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
		khoản 2 hoặc khoản 3 Điều này	nội dung gì?	
2	Điều 29 Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp GPMT	1. “Tài liệu pháp lý khác” 3c. “trường hợp cần thiết thành lập đoàn kiểm tra cấp GPMT...hoặc tổ chức kiểm tra thực tế” 4. “Trong thời hạn 15 ngày..., kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp giấy phép môi trường đã được chỉnh sửa, bổ sung” 5. Cơ quan cấp GPMT ban hành quy trình tiếp nhận và trả kết quả GPMT 7. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành các mẫu văn bản đề nghị cấp GPMT,..., các trường hợp cấp GPMT theo thủ tục đơn giản	Hồ sơ không rõ ràng, quy trình không rõ ràng, không quy định thời gian, không phải 1 mà có thể tới 2 lần thẩm định và 2 lần kiểm tra thực địa, chỉ thiên về tiền kiểm: - Không rõ “tài liệu pháp lý khác” cho các dự án đã có báo cáo ĐTM là gì - Không có tiêu chí cho “Trường hợp cần thiết”, dễ dẫn đến cơ chế xin-cho - Không có quy định thời gian thẩm định, thời gian thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra thực tế kể từ ngày nộp giấy phép, dễ nảy sinh tiêu cực. - Không phải 1 mà có thể tới 2 lần thẩm định và 2 lần kiểm tra thực địa. Đó là (i) thẩm định và kiểm tra thực địa khi thực hiện ĐTM; và (ii) thẩm định và kiểm tra thực địa khi cấp GPMT. - Không có quy định số lần yêu cầu bổ sung, có thể dẫn đến yêu cầu bổ sung nhiều lần, mỗi lần yêu cầu khác nhau - Chỉ cấp phép tiền kiểm mà không hậu kiểm thì không thể phát hiện được các vi phạm (ví dụ như trường hợp vi phạm của Formosa). Vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “<i>Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp</i>”.	- Quy định rõ thời gian thẩm định kể từ thời điểm tiếp nhận, thời gian kiểm tra thực địa, điều kiện cần phải kiểm tra thực địa. Ngay tại thời điểm nộp hồ sơ, nếu đủ thì xác nhận tiếp nhận cho DN. - Bãi bỏ kiểm tra thực địa khi cấp GPMT, thay bằng hậu kiểm, kiểm tra đột xuất việc chấp hành các nội dung GPMT được cấp. - Yêu cầu bổ sung phải rõ ràng, cụ thể, có cơ sở khoa học và pháp lý, và chỉ yêu cầu bổ sung 1 lần bằng văn bản cụ thể, trừ khi DN bổ sung nội dung đó vẫn chưa đầy đủ thì mới được yêu cầu bổ sung tiếp. - Chuyển tiền kiểm sang hậu kiểm, chấp nhận các cam kết của DN khi cấp GPMT. - Quy định rõ các nội dung ở mục 7, không ủy quyền tiếp.
3	Điều 29. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường	Các dự án đã hoạt động cũng phải đi xin lại GPMT	Bắt cập khi các dự án đã hoạt động cũng phải đi xin lại GPMT như dự án mới: Các dự án đang hoạt động hợp pháp và đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cũng như là các giấy phép môi trường thành phần (VD: Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường, giấy phép xả thải, v.v. theo quy định tại Điều 42.2(d) của Luật Bảo vệ môi trường 2020) vẫn phải thực hiện thủ tục nộp hồ sơ và được cơ	Sửa đổi quy định theo hướng giảm tải số lượng giấy tờ cũng như thủ tục xin cấp phép môi trường cho các dự án đầu tư đang hoạt động hợp pháp, đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, hay đã có các GPMT thành phần

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
			quan nhà nước thẩm định lại từ đầu về mặt môi trường để được xem là đủ điều kiện cấp phép. Điều này gây trở ngại rất lớn cho các dự án đầu tư đang hoạt động	
4	Điều 30 Cấp đổi, cấp điều chỉnh, cấp lại GPMT	2. ..“văn bản đề nghị điều chỉnh GPMT của chủ dự án đầu tư, cơ sở” 4...“gửi hồ sơ đề nghị cấp lại GPMT” 5. cấp lại giấy phép môi trường: Thời gian, trình tự, thủ tục cấp giấy phép môi trường được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Nghị định này	Quy định cấp đổi, điều chỉnh, cấp lại GPMT không rõ ràng. Thủ tục cấp lại cũng như cấp mới là bất hợp lý. Không có quy định hồ sơ đề nghị cấp lại, văn bản đề nghị điều chỉnh gồm các loại giấy tờ gì	Quy định rõ các loại giấy tờ cần nộp. <i>Đơn giản hóa thủ tục cấp sửa đổi, cấp lại GPMT, không đánh đồng thủ tục và mức phí như cấp mới.</i>
5		3...“báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm của chủ dự án đầu tư, cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh giấy phép môi trường”	Bắt cập khi cấp GPMT trước khi vận hành thử nghiệm khiến nhiều DN phải xin điều chỉnh GPMT sau khi vận hành: Các dự án sau khi vận hành thử nghiệm nếu không đạt thì phải xin điều chỉnh GPMT, làm mất thời gian và tăng chi phí của doanh nghiệp. + Nhất là các dự án lớn như lọc dầu, thép, xi măng, khí điện đạm, nhiệt điện, quy định cấp phép theo giai đoạn và nhiều hạng mục thử nghiệm thì thủ tục cấp GPMT sẽ trở thành một cơn ác mộng, khiến các nhà đầu tư nản lòng.	- Với các dự án phải vận hành thử nghiệm mà đã có ĐMT được duyệt, cần cấp phép sau khi vận hành thử nghiệm xong, để không phải sửa đổi mất thời gian và tốn kém vô ích.

PHỤ LỤC II

NHIỀU QUY ĐỊNH BẤT HỢP LÝ, THIẾU CƠ SỞ KHOA HỌC, ẢNH HƯỞNG NGHIÊM TRỌNG ĐẾN SẢN XUẤT-KINH DOANH

(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Tóm tắt các bất cập chính:

- 1- Quy định về tham vấn chưa làm rõ trường hợp tham vấn lấy ý kiến nhưng có nhiều ý kiến không nhất trí thì xử lý thế nào?
- 2- Bắt buộc thời gian vận hành thử nghiệm tối thiểu là 3 tháng, gây tốn kém chi phí cho những trường hợp không cần vận hành thử nghiệm dài
- 3- Quy định về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư không phân biệt DN cũ và mới, khiến DN đã hoạt động vẫn phải di dời.
- 4- Quy định về ghi nhãn không phù hợp với Nghị định 43/2017/NĐ-CP, không phù hợp thông lệ quốc tế, không phù hợp với các hiệp định thương mại tự do, gây tăng chi phí cho DN
- 5- Lộ trình lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy không phù hợp, sẽ dẫn đến các nhà máy đóng cửa hàng loạt vào 1/1/2026.
- 6- Giới hạn điều kiện kinh doanh, phát sinh thủ tục hành chính của Bên được ủy quyền tổ chức tái chế, mâu thuẫn với Điều 7 Luật Đầu tư
- 7- Quan trắc tự động rất tốn kém cho DN, nhưng chưa rõ cơ sở khoa học đưa ra mức quan trắc tự động, đánh đồng một mức cho các loại xả thải khác nhau

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo ký ngày 6/10/2021: Bộ Tư pháp nêu ra nhiều quan ngại và đề nghị ban soạn thảo rà soát, chỉnh lý

Cụ thể:

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Điều 26.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường: Tham vấn cộng đồng dân cư	Chưa làm rõ trường hợp tham vấn lấy ý kiến nhưng có nhiều ý kiến không nhất trí hoặc có ý kiến khác nhau với các nội dung tham vấn thì sẽ xử lý như thế nào	Cần làm rõ trường hợp này.
2	Điều 31: Vận hành thử nghiệm	4a. Thời gian vận hành thử nghiệm ...từ 03 đến 06 tháng	Tính chất, quy mô, mức độ các dự án khác nhau rất lớn, có thể 1 vài tuần đã ổn định mà vẫn bắt kéo dài đến 3 tháng là không hợp lý	Chỉ nên quy định thời gian vận hành thử nghiệm tối đa là 6 tháng
3	Điều 52: Khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư	6. Cơ sở, kho tàng không đáp ứng khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư, không đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và không được sự đồng thuận của cộng đồng dân cư sinh sống hợp pháp trong phạm vi khoảng cách an toàn về môi trường thì phải dừng hoạt động, di dời	Không có sự phân biệt giữa doanh nghiệp cũ và mới. Doanh nghiệp đã xây từ trước đây, bây giờ dân ra xây nhà bên cạnh thì doanh nghiệp phải dừng hoạt động, di dời. Vậy chi phí này ai sẽ đền bù cho doanh nghiệp? Quy định này tạo nguy cơ bất ổn định cho DN trong hoạt động sản xuất.	Quy định ai đền bù mà vi phạm khoảng cách an toàn, hoặc không phù hợp với quy hoạch mới đã được phê duyệt thì phải di dời.
4	Điều 39, điều 66:	3. “Nội dung thể hiện trên nhãn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng	- Không phù hợp với Nghị định số 43/2017/NĐ-CP về nhãn hàng hóa, trong đó	Bãi bỏ các nội dung này

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
	Ghi nhãn hàng hóa	hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy, bao gồm: tên và hàm lượng chất ô nhiễm khó phân hủy được quy định trong quy chuẩn kỹ thuật môi trường”. Điều 66. Mục 1. Sản phẩm hàng hóa là bao bì nhựa khó phân hủy sinh học và sản phẩm, hàng hóa chứa vi nhựa phải được dán nhãn hàng hóa (nhãn gốc hoặc nhãn phụ, nhãn cảnh báo) bằng tiếng Việt ghi rõ “bao bì nhựa khó phân hủy” và “sản phẩm chứa vi nhựa” trước khi lưu hành ra thị trường	không có bắt buộc ghi các thông tin này. - Trái thông lệ quốc tế - Trái với các Hiệp định tự do thương mại như EVFTA quy định không được dùng nhãn hàng hóa làm rào cản thương mại. - Gây khó khăn và tổn kém cho doanh nghiệp khi phải thay đổi toàn bộ nhãn sản phẩm	
5	Điều 66 khoản 5, 6	<i>“Bảo đảm sau năm 2025, không lưu hành và sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy tại các trung tâm thương mại, siêu thị, khách sạn, khu du lịch”</i> . Ngừng sản xuất các sản phẩm này từ 1/1/2030	Thực tế, sản phẩm nhựa sử dụng 1 lần và bao bì từ nhựa PE, PP, PVC, PET là rất phổ biến từ thực phẩm, mỹ phẩm, thuốc, dụng cụ y tế cho đến hàng tiêu dùng ... Nếu quy định như vậy thì đến năm 2026 các nhà máy sẽ đóng cửa hàng loạt vì không có bao bì, bệnh nhân cũng không có nhiều loại thuốc và dụng cụ y tế để dùng. Thế giới không có nước nào làm như vậy. EU có quy định danh mục cụ thể các loại nhựa sử dụng một lần bị cấm, như đĩa nhựa dùng 1 lần, cốc nhựa dùng 1 lần..., còn các loại bao bì nhựa để đóng gói thực phẩm vẫn được dùng, nhưng nhà sản xuất-nhập khẩu phải trả phí tái chế, chứ không cấm sử dụng như Dự thảo.	Cần liệt kê rõ danh mục “sản phẩm nhựa sử dụng một lần” vào Dự thảo, chỉ bao gồm một số sản phẩm khó thu gom. Bỏ quy định “bao bì nhựa khó phân hủy”. Điều chỉnh lại lộ trình cho phù hợp với thực tiễn Việt nam
6	Điều 81	5. Bên được ủy quyền tổ chức tái chế quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải đáp ứng các điều kiện sau đây: a) Có tư cách pháp nhân và được thành lập theo quy định của pháp luật; b) Không trực tiếp tái chế và không có quan hệ sở hữu với bất kỳ đơn vị tái chế nào liên quan đến phạm vi được ủy quyền;	Đưa ra các điều kiện hạn chế kinh doanh, mâu thuẫn với Điều 7 của Luật Đầu tư Phát sinh thủ tục hành chính về đăng ký	Bỏ các quy định này

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
		c) Được ít nhất 03 nhà sản xuất, nhập khẩu đồng ý ủy quyền tổ chức tái chế. 6. Tổ chức quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này nộp hồ sơ đăng ký về Văn phòng EPR Việt Nam		
7	Điều 100: <i>Quan trắc tự động</i>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục có mức lưu lượng xả nước thải ra môi trường quy định tại Cột 4 Phụ lục 10 ...phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.	Không rõ Dự thảo dựa vào căn cứ nào để đưa ra các mức phải quan trắc tự động. Dự thảo 20/7, đưa ra mức nước thải 500m3, dự thảo 10/8 giảm xuống còn 200m3, dự thảo 5/10 đưa trở lại 500m3. Trong khi đó quan trắc tự động rất tốn kém về chi phí đầu tư, vận hành, nhưng không có phân biệt giữa các loại nước thải ít ảnh hưởng đến môi trường (như nước rửa cá) với nước thải ảnh hưởng nhiều đến môi trường (sơn mạ).	Cần có căn cứ khoa học để đưa ra các mức phải quan trắc tự động, tính đến mức độ ảnh hưởng đến môi trường ít hay nhiều, chứ không chỉ căn cứ vào số lượng.
8	Điều 154, Điều 155	Điều 154. Hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của trung ương được quy định rất chung: điều tra, đánh giá, khảo sát, xây dựng cơ sở dữ liệu... Điều 155 quy định về hoạt động bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của địa phương: thì lại có các hoạt động cụ thể như: hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, xử lý ... xây dựng công trình, xử lý cải tạo phục hồi chất lượng môi trường...	Quỹ BVMT do Bộ TNMT điều hành, đóng góp tài chính để tái chế, xử lý chất thải của DN đều nộp về đó, nhưng các công việc cụ thể để BVMT là do địa phương thực hiện, phải xin kinh phí từ Bộ TNMT	Đóng góp tái chế, xử lý chất thải của các DN được nộp vào Quỹ BVMT của địa phương. Như vậy nguồn lực được tập trung trực tiếp cho hoạt động tái chế, khắc phục các tác động đến môi trường tại địa phương theo nguyên tắc, gây ô nhiễm, xả thải tại đâu thì đóng góp tại tỉnh đó để trực tiếp khắc phục và BVMT. Chỉ nên trích 20% tổng nguồn thu đưa về Quỹ BVMT trung ương còn 80% nguồn thu đưa về Quỹ BVMT địa phương.
9	Phụ lục 2, dòng 5	Sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi) từ 20.000.000 m2/năm trở lên là lớn, Từ 1.000.000 đến dưới 20.000.000 m2/năm là trung bình	Quy định như vậy là không phù hợp khi so sánh với các ngành khác như sản xuất hóa chất, bột giấy. Theo quy định này, bình quân 1 m ² vải nặng khoảng 0,25 kg; 20.000.000 m ² vải/năm tương đương 5000 tấn sản phẩm/năm trở lên là Lớn, 1000.000 m ² vải/năm tương đương 250 tấn sản phẩm/năm đến dưới 5000 tấn là trung bình.	Đề nghị đưa ngành sản xuất vải, sợi, dệt may (có công đoạn nhuộm, giặt mài hoặc nấu sợi) lên 50.000.000 m ² /năm là Lớn còn trung bình là 5.000.000 m ² / năm đến dưới 50.000.000 m ² / năm là trung bình; dưới 5.000.000 m ² /năm là nhỏ.

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
			So với sản xuất hóa chất, sản xuất bột giấy 10.000 tấn sản phẩm/năm là lớn và từ 1000 tấn sản phẩm /năm đến dưới 10.000 tấn sản phẩm/năm là trung bình. Nhuộm và giặt mài không có nguy cơ ô nhiễm bằng sản xuất hóa chất, bột giấy, mà bị quy mức lớn và trung bình thấp hơn là không phù hợp.	
10	Phụ lục 3 Dòng 6	Dự án sử dụng đất, đất có mặt nước quy mô trung bình > 100 ha được xếp vào nhóm I, từ 50 ha đến dưới 100 ha được xếp vào Nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường	Bao gồm cả nhóm ngành sản xuất nông nghiệp như trồng trọt và nuôi trồng thủy sản, vốn yêu cầu sử dụng đất rất lớn. Quy định như thế là đi ngược lại với chủ trương hiện đại hóa nông nghiệp, canh đồng mẫu lớn của chính phủ.	Chỉ áp dụng điều này cho các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng từ nông nghiệp sang các mục đích khác.
11	Phụ lục 3 Dòng 7 Phụ lục 4, dòng 6	Dự án có yêu cầu sử dụng, chuyển đổi mục đích sử dụng từ 20 ha đất trồng lúa trở lên được xếp vào Nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường	Thực tế hiện nay các Dự án sử dụng đất lúa 20 ha trở lên là rất phổ biến Nếu quy định đây là Nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường thì sẽ gây rất nhiều khó khăn cho việc đầu tư, phát triển kinh tế xã hội hiện nay	Sửa thành 50 ha đất trồng lúa trở lên
12	Phụ lục 3, dòng 10 Phụ lục 4, dòng 9	Dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước: Thuộc thẩm quyền cấp giấy phép về khai thác khoáng sản, tài nguyên nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; có công suất từ 3.000 m3/ngày đêm trở lên Dự án có hoạt động xả nước thải vào nguồn nước	Theo Luật tài nguyên nước thẩm quyền cấp phép khai thác nước mặt (Sông...) của cấp tỉnh là không quá 50.000 m ³ /ngày đêm còn nước ngầm là không quá 3.000 m3/ngày đêm. Chưa rõ thế nào là xả vào nguồn nước, khi tổ chức thực hiện Nghị định sẽ có nhiều cách diễn giải khác nhau làm khó cho nhà đầu tư.	Làm rõ thẩm quyền giữa khai thác nước mặt và nước dưới đất (nước ngầm) Đề nghị làm rõ thế nào là xả vào nguồn nước
13	Phụ lục 9 Dòng 6 Sản phẩm bao bì có sử dụng nhựa	6.1. Dao, kéo, thìa, đĩa, đũa, cốc, hộp đựng, màng bọc thực phẩm sử dụng một lần và sản phẩm nhựa khác sử dụng một lần (trừ các thiết bị y tế) 6.7 Vật liệu xây dựng các loại 1.500 đồng/1 kg nhựa được sử dụng	Đánh đồng một mức thu cho tất cả 7 mục này, trong khi đó mục 6.1 và 6.2 là sản phẩm nhựa sử dụng một lần đang được vận động hạn chế sử dụng đi đến khuyến cáo không sử dụng, các mục khác là nhựa sử dụng nhiều lần, có nguy cơ ô nhiễm ít hơn, cần thu thấp hơn. Khái niệm “nhựa sử dụng một lần” chưa được định nghĩa rõ ràng, có thể diễn giải chai nước cũng là sử dụng 1 lần	Mục 6.1. và 6.2 nên để mức 1.500 đồng/kg nhựa. Các mục khác nên để 1000 đồng/kg nhựa Đưa ra danh mục rõ ràng các sản phẩm “nhựa sử dụng một lần” như EU để tránh vướng mắc khi thực thi.

PHỤ LỤC III

VĂN PHÒNG EPR VÀ HỘI ĐỒNG EPR QUỐC GIA KHÔNG CÓ TRONG LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, LÀM TĂNG BIÊN CHẾ, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG KHÔNG PHÙ HỢP VỚI CÁC LUẬT HIỆN HÀNH

(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Tóm tắt các bất cập chính:

- 1- Quy định về Văn phòng EPR Việt Nam và Hội đồng EPR không có trong Luật BVMT, cần phải bãi bỏ
- 2- Nhiều chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng EPR Việt Nam và Hội đồng EPR là không phù hợp với Luật
- 3- Kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam sử dụng tiền doanh nghiệp đóng góp là chưa phù hợp. Chưa có quy định về chế tài trách nhiệm đối với cán bộ Văn phòng EPR Việt Nam:

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo ký ngày 6/10/2021:

- “Luật BVMT không quy định về văn phòng EPR và Hội đồng EPR”
- “đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn của quy định thành lập Văn phòng EPR...tăng thêm tổ chức và biên chế, không đúng với chủ trương sắp xếp, kiện toàn, tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan nhà nước”.
- “kinh phí hoạt động của văn phòng EPR Việt Nam từ số tiền do nhà sản xuất, nhập khẩu đóng góp...quy định này chưa hoàn toàn phù hợp với mục đích của số tiền đóng góp, nộp vào quỹ BVMT Việt Nam”.

Cụ thể:

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Văn phòng EPR Hội đồng EPR	Từ điều 80 đến điều 90	Quy định về Văn phòng EPR Việt Nam và Hội đồng EPR không có trong Luật BVMT , như vậy Dự thảo đưa vào là không đúng với Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc thành lập mới Văn phòng EPR Việt Nam sẽ làm tăng thêm biên chế, đi ngược với chủ trương của Chính phủ về tinh giản bộ máy hành chính. Chưa có quy định về trách nhiệm của Văn phòng EPR. <i>Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp cũng rất quan ngại về các vấn đề này</i>	Bãi bỏ Văn phòng EPR. Thay vào đó, giao nhiệm vụ quản lý, giám sát việc thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu cho một đơn vị chuyên môn của Bộ TNMT, để đảm bảo sự giám sát chặt chẽ của cơ quan nhà nước đối với hoạt động tái chế ở Việt Nam. Xem xét lại cơ cấu tổ chức và chức năng hoạt động của Hội đồng EPR - Bổ sung điều khoản quy định xử lý trách nhiệm của các cán bộ đơn vị chuyên môn và Quỹ BVMT nếu không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tái chế thay cho doanh nghiệp. Mức phạt phải tương

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
				đương với mức phạt áp dụng cho cá nhân vi phạm hành chính theo bản chất của xử phạt vi phạm hành chính áp dụng đối với cá nhân và các cá nhân liên quan phải nộp phạt, chứ không được lấy từ Quỹ BVMT.
2	Điều 90	Kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam do Hội đồng EPR quốc gia phê duyệt và được trích từ số tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhà nhập khẩu	Tiền DN đóng góp để tái chế sản phẩm, bao bì được dùng vào các mục đích khác như trả kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR là sai mục đích, và trái Luật BVMT. Các doanh nghiệp đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế môi trường, và nhiều loại thuế phí khác. Nhà nước đã dùng các khoản thuế này của doanh nghiệp để làm ngân sách hoạt động cho quản lý nhà nước.	Bãi bỏ việc thành lập Văn phòng EPR. Khi đó nội dung Điều 90 cũng sẽ không còn. Kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR Việt Nam (nếu được thành lập) phải được cấp từ ngân sách nhà nước, vì là cơ quan nhà nước.
3	Điều 83	2c. “ <i>Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng EPR quốc gia, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Fs [định mức chi phí tái chế] và số tiền đóng góp</i> ”.	Khoản 5 điều 54 Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu Luật BVMT quy định “Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này”. Việc ủy quyền tiếp cho Bộ TNMT ban hành là vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “ <i>Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp</i> ”. Thêm vào đó, khoản phí này tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất – kinh doanh của cả nền kinh tế nên cần Chính phủ phê duyệt.	Fs phải do Chính phủ phê duyệt trong Nghị định theo đúng Luật BVMT Sửa điểm 2c Điều 83 là “Trên cơ sở đề xuất của Bộ TNMT, Chính phủ ban hành Fs và số tiền đóng góp...”
4	Điều 83 và Điều 86	Điều 83, Điểm 4 quy định: “Văn phòng EPR, Quỹ BVMT VN tổ chức thực hiện tái chế cho các nhà sản xuất, nhập khẩu đã đóng góp tài chính vào Quỹ BVMT VN.” Nhưng Điều 86, Điểm 1 lại quy định: “Cơ quan, tổ chức ... có nhu cầu được hỗ trợ tài chính cho hoạt động xử lý chất thải ... thì lập hồ sơ đề nghị gửi về Văn phòng EPR ... để được xét duyệt hỗ trợ.”	- Việc xét duyệt hỗ trợ mà không có quy định rõ ràng sẽ dễ biến thành cơ chế xin-cho và sử dụng sai mục đích. - Thu thì thực hiện theo định mức chi phí thực tế. Nhưng chi để tái chế, bảo vệ môi trường lại chỉ ở mức hỗ trợ. Như vậy làm sao thực hiện được đầy đủ mục đích tái chế, bảo vệ môi trường?	Thu chi phải giống nhau. Chi để tái chế phải đúng theo định mức chi phí thực tế

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
5	Điều 84	4. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định ban hành mức đóng góp tài chính điều chỉnh theo đề xuất của Hội đồng EPR quốc gia. 5. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định sửa đổi, bổ sung, cập nhật Phụ lục 9 phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để phù hợp yêu cầu bảo vệ môi trường và thực tiễn của từng thời kỳ.	Khoản 5 điều 54 Trách nhiệm tái chế của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu Luật BVMT quy định “Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này”. Việc ủy quyền tiếp cho Bộ TNMT ban hành là vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “ <i>Cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp</i> ”.	4. Chính phủ quyết định ban hành mức đóng góp tài chính điều chỉnh theo đề xuất của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường 5. Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, cập nhật Phụ lục 9 phần Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để phù hợp yêu cầu bảo vệ môi trường và thực tiễn của từng thời kỳ.
6	Điều 87 và điều 90	“Cơ quan thuế, hải quan ... có trách nhiệm cung cấp, chia sẻ thông tin về sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì theo đề nghị của Văn phòng EPR Việt nam”. Văn phòng EPR Việt Nam ... chịu sự chỉ đạo, quản lý, giám sát của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Hội đồng EPR quốc gia	Hội đồng EPR quản lý Văn phòng EPR có đại diện của doanh nghiệp, trong khi đó các thông tin về số lượng hàng hóa, bao bì nhập khẩu là bí mật kinh doanh.	Phải bảo đảm bí mật kinh doanh cho DN. Bãi bỏ việc thành lập Văn phòng EPR. Xem xét lại cơ cấu tổ chức và chức năng hoạt động của Hội đồng EPR
7	Điều 89	1. “Hội đồng EPR quốc gia có nhiệm vụ tư vấn, giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý, giám sát...Hội đồng EPR quốc gia làm việc theo nguyên tắc tập thể, đồng thuận và quyết định theo đa số”	Quy chế hoạt động không rõ ràng, đồng thuận thì phải là 100%, mâu thuẫn với quyết định theo đa số (tức quá 50%). Đại diện DN chỉ có một vài người thì hầu như không có tiếng nói gì nếu quyết định theo đa số.	Sửa vai trò của Hội đồng EPR quốc gia là tổ chức liên bộ tư vấn cho Chính phủ, chứ không phải tư vấn cho Bộ TNMT. Quy định rõ ràng quy chế hoạt động của Hội đồng EPR quốc gia.
8		2. Thành phần Hội đồng EPR quốc gia gồm đại diện các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Công Thương, đại diện các nhà sản xuất, nhập khẩu và đại diện một số tổ chức, chuyên gia, đơn vị tái chế, đơn vị xử lý chất thải có liên quan.	Chưa quy định rõ cơ cấu, số lượng thành viên, nhất là số lượng đại biểu doanh nghiệp.	Quy định rõ ràng thành phần, tăng đại diện của doanh nghiệp.
9		4. Hội đồng EPR quốc gia thông qua và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Khoản 5 điều 54 Luật BVMT quy định “Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này”. Việc ủy quyền tiếp cho Bộ TNMT ban hành là vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Cần có khung pháp lý thật rõ ràng quy định quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu ngay trong Nghị định này.

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
			Việc DN nộp tiền để EPR làm thay việc tái chế, nhưng Hội đồng EPR, văn phòng EPR tự quản lý quỹ, quyết định thu chi, tự đặt ra quy định giám sát quản lý thì giống như việc hùn vốn cho 1 công ty gia đình mà cả Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ đều là người của gia đình đó cử ra. Trong đời sống, dám hùn vốn như thế chỉ có người chơi hụi vì ham lãi cao (mà nhà nước cấm). Dự thảo không nên bắt cả hàng trăm ngàn DN phải nộp tiền (không lãi mà chỉ có tiêu đi) cho một tổ chức không có khung pháp lý để quản lý!	Hoặc: quy định “<i>Khoản đóng góp tài chính để tái chế sản phẩm, bao bì được quản lý theo các quy định về quản lý phí trong Luật quản lý phí, lệ phí, và được giữ lại hoàn toàn ở Quỹ BVMT để chi trả cho hoạt động tái chế</i>”.

PHỤ LỤC IV

CHƯA CÓ KHUNG PHÁP LÝ RÕ RÀNG ĐỂ QUẢN LÝ “ĐÓNG GÓP” TÁI CHẾ SẢN PHẨM, BAO BÌ, NHIỀU QUY ĐỊNH SỬ DỤNG “ĐÓNG GÓP” KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH VÀ KHÔNG PHÙ HỢP VỚI LUẬT

(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Tóm tắt các bất cập chính:

- 1- Chưa có khung pháp lý quản lý khoản đóng góp này. Dự thảo quy định “Hội đồng EPR quốc gia thông qua và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp” là không phù hợp với Luật BVMT & Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
- 2- Cách gọi “đóng góp” chứ không gọi là “phí” phải chăng là để né luật quản lý phí và lệ phí. Dự thảo không có quy định về việc nếu không hoàn thành trách nhiệm tái chế thì quỹ có chịu trách nhiệm trước pháp luật không. **Vì vậy, với quy định này, các HH lo rằng tiền DN vẫn nộp mà môi trường vẫn bẩn.**
- 3- Tiền DN đóng góp để tái chế sản phẩm, bao bì được dùng vào các mục đích khác như trả kinh phí hoạt động của Văn phòng EPR, nghiên cứu giải pháp tái chế... là sai mục đích, và trái Luật BVMT.

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo ký ngày 6/10/2021:

- “đề nghị làm rõ Hội đồng EPR có được thực hiện các chức năng này”
- “để phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đề nghị...rà soát kỹ toàn bộ nội dung dự thảo để đảm bảo quy định đúng, hạn chế việc tiếp tục ủy quyền cho các Bộ, ngành”.

Cụ thể:

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Điều 83	3b. nhà sản xuất, nhập khẩu có trách nhiệm nộp tiền đóng góp tài chính hỗ trợ tái chế sản phẩm, bao bì một lần vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	Chưa có khung pháp lý quản lý khoản đóng góp này. Quỹ BVMT Việt nam được thành lập và quản lý theo Quyết định 78/2014/QĐ-TTg, tại điều 2 chỉ “có chức năng cho vay lãi suất ưu đãi, tài trợ, hỗ trợ lãi suất cho các chương trình, dự án, các hoạt động, nhiệm vụ BVMT” mà không có chức năng chi trả cho hoạt động tái chế, và cũng chưa có khung pháp lý để quản lý chức năng này.	- Nếu gọi là “Đóng góp” thì nên thêm vào điều 83 quy định “ <i>Khoản đóng góp này được quản lý theo các quy định về quản lý phí trong Luật quản lý phí, lệ phí, và được giữ lại hoàn toàn ở Quỹ BVMT để chi trả cho hoạt động tái chế</i> ” HOẶC: - Sửa đổi quyết định 78/2014/QĐ-TTg để bổ sung chức năng và cơ chế quản lý thu chi cho Quỹ BVMT,
2	Điều 83 và Điều 86	Điều 83, Điểm 4 quy định: “Văn phòng EPR, Quỹ BVMT VN tổ chức thực hiện tái chế cho các nhà sản xuất, nhập khẩu đã đóng góp tài chính vào Quỹ BVMT VN.” Nhưng Điều 86, Điểm 1 lại quy định: “Cơ quan, tổ chức ... có nhu cầu được hỗ trợ	- Việc xét duyệt hỗ trợ mà không có quy định rõ ràng sẽ dễ biến thành cơ chế xin-cho và sử dụng sai mục đích. - Thu thì thực hiện theo định mức chi phí thực tế. Nhưng chi để tái chế, bảo vệ môi trường lại chỉ ở mức hỗ trợ. Như vậy làm sao thực hiện được đầy đủ mục đích tái chế, bảo vệ môi	- Phải có quy định rõ ràng về tiêu chí xét duyệt hỗ trợ, tránh cơ chế xin-cho. - Thu chi phải giống nhau. Chi để tái chế phải đúng theo định mức chi phí thực tế

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
		tài chính cho hoạt động xử lý chất thải ... thì lập hồ sơ đề nghị gửi về Văn phòng EPR ... để được xét duyệt hỗ trợ.”	trường?	
3	Điều 84 (bổ sung)	1. Tiền đóng góp tài chính vào Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam quy định tại Điều 83 Nghị định này được sử dụng để hỗ trợ các hoạt động tái chế sau đây: a) Phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị định này; b) Nghiên cứu, phát triển giải pháp, công nghệ, kỹ thuật, sáng kiến phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Nghị định này.	Tiền DN đóng góp để tái chế sản phẩm, bao bì được dùng vào các mục đích khác <i>như nghiên cứu giải pháp tái chế</i> , là <u>sai mục đích</u> , và trái Luật BVMT.	Bỏ mục b
4		4. Hội đồng EPR quốc gia thông qua và trình Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu	Khoản 5 điều 54 Luật BVMT quy định “Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này”. Việc ủy quyền tiếp cho Bộ TNMT ban hành là vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật Việc DN nộp tiền để EPR làm thay việc tái chế, nhưng Hội đồng EPR, văn phòng EPR tự quản lý quỹ, quyết định thu chi, tự đặt ra quy định giám sát quản lý thì giống như việc hùn vốn cho 1 công ty gia đình mà cả Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Thủ quỹ đều là người của gia đình đó cử ra. Trong đời sống, dám hùn vốn như thế chỉ có người chơi hụi vì ham lãi cao (mà nhà nước cấm). Vậy tại sao Dự thảo lại bắt cả hàng trăm ngàn DN phải nộp tiền (không lãi mà chỉ có tiêu đi) <i>cho một tổ chức không có khung pháp lý để quản lý</i> như thế?	Chính phủ quy định quy chế quản lý và sử dụng tiền đóng góp hỗ trợ tái chế, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu ngay trong Nghị định này Hoặc: quy định “ <i>Khoản đóng góp tài chính để tái chế sản phẩm, bao bì được quản lý theo các quy định về quản lý phí trong Luật quản lý phí, lệ phí, và được giữ lại hoàn toàn ở Quỹ BVMT để chi trả cho hoạt động tái chế</i> ”.

PHỤ LỤC V

CÔNG THỨC TÍNH MỨC ĐÓNG GÓP, TỶ LỆ TÁI CHẾ BẮT BUỘC KHÔNG RÕ CƠ SỞ KHOA HỌC, CHƯA PHÙ HỢP VỚI THỰC TIỄN, THIẾU CÔNG BẰNG, PHÍ CHỒNG PHÍ, GÂY KHÓ KHĂN CHO DN VÀ TĂNG GIÁ SẢN PHẨM, ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN
(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Tóm tắt các bất cập chính:

- 1- Chưa rõ cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn của tỷ lệ tái chế bắt buộc, tỷ lệ thu hồi tối thiểu. Không thể quy định ngay một tỷ lệ bắt buộc cao, và mỗi lần tăng tới 10% như trong Dự thảo.
- 2- Định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì Fs bao gồm cả chi phí của cơ quan quản lý nhà nước là bất hợp lý
- 3- Không có phân biệt giữa bao bì có thể tự hủy (như giấy, vải tự nhiên) và bao bì khó phân hủy, giữa nhựa tái sinh hay không tái sinh, tất cả đều phải đóng góp, nên không khuyến khích được việc chuyển sang dùng bao bì tự hủy, nhựa tái sinh để bảo vệ môi trường
- 4- Không có phân biệt giữa sản phẩm/bao bì có giá trị thương mại khi hết thời gian sử dụng như thiết bị/bao bì kim loại, ô tô, xe máy cũ (bởi không tự thu gom được do người sở hữu thường bán chứ không thải bỏ) với các loại không có giá trị thương mại. Việc quy định trách nhiệm phải thu gom/tái chế được bao nhiêu % ô tô trên tổng số xe bán ra theo một tỉ lệ bắt buộc đối với NSX/NNK sản phẩm ô tô, là không khả thi và chưa có tiền lệ trên thế giới.
- 5- Phí chồng phí: Nhà sản xuất bao bì đã nộp đóng góp để tái chế bao bì, nhà sản xuất thành phẩm dùng bao bì đó cũng phải nộp đóng góp để tái chế bao bì đó (sắp tới người tiêu dùng cũng sẽ phải trả phí xử lý rác thải từ bao bì đ.), tức là phí chồng phí 3 lần.
- 6- Thiếu công bằng khi quy định nhà sản xuất có doanh thu dưới 50 tỷ, nhà nhập khẩu có doanh thu dưới 30 tỷ không phải đóng góp, hoặc áp dụng cùng mức doanh thu giữa nhà sản xuất bao bì và nhà sản xuất thành phẩm.
- 7- Một số sản phẩm thiết yếu và từ vật liệu thân thiện với môi trường như tã giấy, bỉm giấy cho trẻ sơ sinh cũng phải đóng góp 1% doanh thu để xử lý chất thải là bất hợp lý

Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp tại báo cáo ký ngày 6/10/2021:

- “làm rõ cơ sở của việc quy định mức đóng góp tài chính...như công thức tính đối với tỷ lệ tái chế bắt buộc, mức chi phí tái chế, chi phí quản lý tái chế”.
- “Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định, sửa đổi, bổ sung, cập nhật Phụ lục được ban hành kèm theo dự thảo Nghị định của Chính phủ là chưa đảm bảo sự phù hợp và thống nhất về thẩm quyền”

Cụ thể:

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Điều 80, khoản 5c	c) Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng EPR quốc gia, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định ban hành tỷ lệ tái chế bắt buộc... để áp dụng cho chu kỳ 03 năm tiếp theo	Khoản 5 điều 54 Luật BVMT quy định “Chính phủ quy định chi tiết và lộ trình thực hiện Điều này”. Việc ủy quyền tiếp cho Bộ TNMT ban hành là vi phạm Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật	c) Trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Chính phủ quyết định ban hành tỷ lệ tái chế bắt buộc... để áp dụng cho chu kỳ 03 năm tiếp theo
2	Điều 83,	Fs là định mức chi phí tái chế sản phẩm,	Định mức chi phí tái chế sản phẩm, bao bì Fs	Bỏ chi phí quản lý khỏi Fs

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
	điểm 1d	bao bì được xác định trên tổng chi phí hợp lý, hợp lệ để phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý, tái chế sản phẩm, bao bì; chi phí quản lý thực hiện trách nhiệm tái chế của nhà sản xuất, nhập khẩu	bao gồm cả chi phí của cơ quan quản lý nhà nước là bất hợp lý	
3	Phụ lục 8 Danh mục sản phẩm, bao bì phải được tái chế	Một số nhóm sản phẩm đang để ở mức cao, ví dụ với nhựa PET quy định là 22%.	- Chưa rõ <u>cơ sở khoa học và thực tiễn</u> để đưa ra các tỷ lệ tái chế này ở Việt nam. trong khi công nghệ tái chế của Việt nam gần như chưa có. Đối với EU có công nghệ tái chế hiện đại, báo cáo của cơ quan môi trường châu Âu cho thấy một số nước trong EU còn ở dưới mức 15%. - Bao bì giấy cũng phải đóng góp tái chế trong khi thực tế DN bán được tiền từ giấy thì nay phải đóng tiền.	- Cần có cơ sở khoa học bằng thực nghiệm để xác định tỷ lệ tái chế bắt buộc cho sát với thực tiễn thu gom, thải bỏ ở Việt Nam. - Ở Việt Nam, khi công nghệ tái chế còn hầu như chưa có thì chỉ nên để ở mức không quá 10%, tăng dần sau mỗi 3 năm, mỗi lần tăng không quá 5%. Không thể quy định ngay một tỷ lệ bắt buộc cao, và mỗi lần tăng tới 10% như trong Dự thảo. - Chỉ yêu cầu đóng góp với các bao bì khó phân hủy, miễn đóng góp cho bao bì tự phân hủy, hoặc từ vật liệu tái chế ở trong nước
4	Phụ lục 8 Danh mục SP, bao bì phải được tái chế	Phân nhóm A1: Bao bì giấy Phân nhóm A2.1. Bao bì nhôm	Trên thực tế, bao bì giấy bằng thùng carton, không cán nhựa, và bao bì kim loại nhôm đã qua sử dụng đều có giá trị thương mại cao (bán được tiền), dễ thu gom, ít gây độc hại, ảnh hưởng tới môi trường, nên không cần phải trả tiền để thu gom	Bỏ 2 phân nhóm này
5	Điều 80	Dự thảo quy định rằng phương tiện cơ giới (bao gồm ô tô, xe máy) là một trong các sản phẩm phải được tái chế theo tỉ lệ tái chế bắt buộc. Dự thảo đưa ra định nghĩa: <i>“Tỷ lệ tái chế bắt buộc là tỷ lệ khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải được thu gom và tái chế trên tổng khối lượng sản phẩm, bao bì đưa ra thị trường trong năm thực hiện trách nhiệm.”</i>	Việc quy định trách nhiệm phải thu gom được bao nhiêu chiếc ô tô, xe máy trên tổng số xe bán ra theo một tỉ lệ bắt buộc đối với NSX/NNK sản phẩm ô tô, xe máy, theo chúng tôi hiểu, là không khả thi và chưa có tiền lệ trên thế giới Tham khảo EPR đối với ô tô ở các quốc gia đang áp dụng thì trách nhiệm của NSX/NNK ô tô thông thường bao gồm: - NSX hạn chế sử dụng các chất nguy hại đối	Tham khảo từ quy định của một số quốc gia khác, Chính phủ xem xét đưa ra quy định về “tỉ lệ tái chế” với phương tiện cơ giới là “số phần trăm khối lượng của phương tiện cơ giới thải bỏ được tái sử dụng, tái chế.” Đây là điểm rất cơ bản và quan trọng vì nó phù hợp với thông lệ trên thế giới, và không gây ra sự thiếu công

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
		Định nghĩa này có nghĩa tỉ lệ tái chế bắt buộc mà NSX/NNK phải tuân thủ cho ngành ô tô-xe máy chính là tỉ lệ thu gom xe thải bỏ từ người sử dụng căn cứ trên lượng sản phẩm bán ra thị trường trong năm.	với môi trường trong việc sản xuất ô tô; thiết kế và sản xuất các loại xe mới sao cho dễ dàng tháo dỡ, tái sử dụng, tái chế, thu hồi; tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu tái chế. - NSX/NNK cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ sở tái chế về quy cách tái chế sản phẩm để đảm bảo quá trình tái chế an toàn đối với môi trường. - Đảm bảo tái chế được khối lượng các nguyên, vật liệu cấu thành sản phẩm theo một tỉ lệ tái chế (%) nhất định từ chiếc xe bị thải bỏ (không bị bắt buộc phải đạt một tỉ lệ thu gom nào). - NSX/NNK không thu phí thải bỏ từ chủ xe khi tiếp nhận xe thải bỏ (trừ trường hợp đặc biệt) và phải chịu trách nhiệm giao xe thải bỏ ấy tới cơ sở thu gom hoặc tái chế hợp pháp. <i>Thực tế thử nghiệm ở Việt nam:</i> NSX trả thêm tiền cho chủ xe khi tiếp nhận xe thải bỏ mà còn không thể thu hồi được, vì chủ xe đem bán cho công ty thu mua phế liệu còn thu được nhiều tiền hơn	bằng giữa NSX/NNK chính thức và các nhà nhập khẩu phi chính thức trong việc thực hiện trách nhiệm chung với môi trường. Ô tô, xe máy là sản phẩm công nghệ cao, bao gồm hàng chục nghìn chi tiết, bộ phận, trong đó có các chi tiết, bộ phận cần phải có các công nghệ tái chế chuyên dụng để xử lý cũng như cần nhiều chi phí nhằm đảm bảo không ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường, cho nên chúng tôi đề xuất cần có quy định và cơ chế quản lý cơ sở tái chế không đạt chuẩn. Đồng thời, có chính sách khuyến khích chủ sở hữu ô tô, xe máy thải bỏ xe hợp pháp, và các chế tài với chủ xe trong trường hợp thải bỏ xe bất hợp pháp.
6	Điều 79. Đối tượng, lộ trình thực hiện trách nhiệm tái chế Điều 84. Mức đóng góp tài chính để hỗ trợ các hoạt động xử lý	1. Bao bì quy định tại khoản này gồm bao bì chứa sản phẩm, hàng hóa (bao bì thương phẩm của hàng hóa) và bao bì không chứa sản phẩm, hàng hóa 2. Các đối tượng sau đây không phải thực hiện trách nhiệm tái chế: a. Nhà sản xuất có tổng doanh thu của năm trước dưới 50 tỷ đồng; b. Nhà nhập khẩu có tổng doanh thu của năm trước dưới 30 tỷ đồng; Khoản 1 điều 84: Các trường hợp sau đây không phải đóng góp hỗ trợ các hoạt động xử lý chất thải:	- Áp mức giống nhau, không phân biệt giữa DN chỉ sản xuất bao bì và DN sản xuất thành phẩm (giá trị cao gấp nhiều lần bao bì) là không rõ <u>cơ sở khoa học, không công bằng và bất hợp lý</u>, vì giá trị bao bì chỉ bằng một phần nhỏ giá trị thành phẩm. - Nhà sản xuất bao bì đã nộp đóng góp để tái chế bao bì, nhà sản xuất thành phẩm dùng bao bì đó cũng phải nộp đóng góp để tái chế bao bì đó (sắp tới người tiêu dùng cũng sẽ phải trả phí xử lý rác thải từ bao bì), tức là phí chồng phí 3 lần. - Không có phân biệt giữa bao bì có thể tự hủy (như giấy, vải tự nhiên) và bao bì khó phân	- Bỏ các giới hạn về tổng doanh thu, tổng lượng nhập khẩu, lượng sử dụng bao bì trong quy định về đối tượng áp dụng trong các phụ lục để đảm bảo sự công bằng trong môi trường kinh doanh, và mọi người đều phải có trách nhiệm với môi trường . - Đưa ra cách tính để thu theo khối lượng bao bì của các DN sản xuất thành phẩm - Bỏ việc thu phí các bao bì tự hủy, bao bì từ nhựa tái sinh - Không thu phí của nhà sản xuất thành phẩm nếu DN dùng bao bì đã

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
	chất thải	a) Nhà sản xuất có tổng doanh thu của năm trước <u>dưới 30 tỷ đồng</u> ; b) Nhà nhập khẩu có tổng giá trị nhập khẩu của năm trước <u>dưới 20 tỷ đồng</u> .	hủy, giữa nhựa tái sinh hay không tái sinh, tất cả đều phải đóng góp, nên không khuyến khích được mọi người chuyển sang dùng bao bì tự hủy, nhựa tái sinh để bảo vệ môi trường - Chỉ các DN có doanh thu 50 tỷ trở lên mới phải đóng góp là thiếu công bằng vì mọi người đều có trách nhiệm BVMT, do đó làm giảm hiệu quả BVMT	được đóng phí bởi nhà sản xuất bao bì
7	Phụ lục 9	Tã lót, bím, băng vệ sinh, khăn ướt dùng một lần: đóng 1% trên tổng doanh thu	- Một số sản phẩm thiết yếu cũng phải đóng góp xử lý chất thải cao. - Không có phân biệt trong thu phí giữa sản phẩm dùng vật liệu tái sinh, hoặc tự phân hủy với vật liệu khó phân hủy, - Tã lót giấy, bím giấy có thể tự phân hủy được cũng thu phí 1% như loại khó phân hủy, như vậy là quy định để thu tiền chứ không phải khuyến khích sử dụng vật liệu tự phân hủy để bảo vệ môi trường. Trẻ sơ sinh cũng phải đóng phí 1% cho bím giấy, tã giấy là hết sức vô lý.	Bỏ quy định này

PHỤ LỤC VI
LỘ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÓNG GÓP TÁI CHẾ QUÁ NGẮN,
TRONG KHI CÔNG NGHỆ TÁI CHẾ HẦU NHƯ CHƯA CÓ GÌ, CẦN THỜI GIAN ĐỂ XÂY DỰNG
(Đính kèm công văn ngày 11/10/2021 của các Hiệp hội gửi Thủ tướng Chính phủ v/v Góp ý, kiến nghị một số nội dung lớn tại Dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020)

Stt	Điều khoản	Nội dung tham chiếu	Quan ngại	Góp ý nội dung sửa đổi, bổ sung
1	Điều 79, điểm 4 Điều 84, điểm 1	4. Đóng góp tài chính để tái chế bắt đầu áp dụng vào ngày 01/01/2024, 1. Đóng góp để xử lý chất thải với các ngành tã lót, bỉm, ... từ 01/01/2023.	Công nghiệp tái chế của Việt nam hầu như chưa có gì, từ nay đến 1/1/2024 chỉ còn 2 năm và vướng dịch bệnh nên cũng chưa kịp để xây dựng, vì vậy quy định DN từ 1/1/2024 phải tự tái chế là khó khả thi, như vậy bắt buộc phải nộp đóng góp tái chế, nhưng đóng góp rồi cũng không có đủ nhà máy để tái chế. Giai đoạn này các DN đang rất khó khăn phục hồi sau dịch bệnh, việc tăng đóng góp sẽ làm tăng giá sản phẩm, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân. Bỉm giấy, tã giấy cũng phải đóng góp 1% doanh số để xử lý chất thải, mặc dù chúng tự hủy, rất ít ảnh hưởng đến môi trường. Như vậy, các trẻ em sơ sinh từ 01/01/2023 đã phải công phí xử lý tã lót, bỉm, với số tiền phải nộp lên tới hàng trăm tỷ/năm.	Lùi lộ trình đóng góp đến 1/1/2025 Bỏ khoản đóng góp cho các vật liệu tự hủy, vật liệu tái sinh từ các nguồn trong nước.

----- oOo -----